

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST

Ngày 12/4/2018

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lục Thị Chiêm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tiếu
2. Ông Ma Trọng Hưng

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Biên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc: xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quân Đ, sinh năm 1990; HKTT:Thôn TH1, xã VQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1992; HKTT:Thôn TH1, xã VQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tạm trú: Thôn LN, xã VQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017, nội dung bản tự khai và biên bản hòa giải lần 01 ngày 22/10/2017, nguyên đơn Nguyễn Quân Đ trình bày:

Anh Nguyễn Quân Đ và chị Đoàn Thị H qua tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã VQ, huyện Chiêm Hóa theo Đăng ký kết hôn số 46 cấp

ngày 15/10/2013. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn Tiên H1, xã VQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra xô xát, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh đề nghị xin được ly hôn với chị Đoàn Thị H để giải phóng cuộc sống chung cho nhau.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015, hiện con đang sống cùng Chị H. Anh Đ có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Cháu M và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Quá trình Tòa án hòa giải lần 02 (ngày 27/12/2017), hòa giải lần 03 (ngày 05/3/2018) và tại phiên tòa, Anh Đ giữ nguyên quan điểm về các mối quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung giống như nội dung đơn khởi kiện. Về con chung: Anh Đ nhất trí để chị Đoàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn số tiền 200.000đ/tháng.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Đoàn Thị H xác nhận về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng đúng như Anh Đ đã nêu. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Chị xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, Chị H nhất trí ly hôn theo yêu cầu của Anh Đ để giải phóng cuộc sống chung cho nhau; Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015, hiện Cháu M sống cùng Chị H và yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng mức 1.000.000đ/tháng ; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết; Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quy định về nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quân Đ và chị Đoàn Thị H; quan hệ hôn nhân giữa Anh Đ và Chị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của

đương sự về trách nhiệm nuôi con chung, giao cho chị Đoàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015, hiện Cháu M sống cùng Chị H. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX xử: Buộc anh Nguyễn Quân Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn đối với cháu Nguyễn Nhật M số tiền từ 500.000đ/tháng đến 700.000đ/ tháng; Phương thức cấp dưỡng: Thực hiện theo tháng; thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Nhật M đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết; Nợ chung: không có. không đề cập xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Quân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quân Đ và chị Đoàn Thị H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Quang theo Đăng ký kết hôn số 46 cấp ngày 15/10/2013. Mâu thuẫn vợ chồng Anh Đ và Chị H phát sinh từ khoảng tháng 10/2016, nguyên nhân là tính cách không hợp, thường xảy ra cãi vã và vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 3/2017 đến nay. Qua điều tra, xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh Đ và Chị H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian. Tại phiên tòa Anh Đ và Chị H cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quân Đ và chị Đoàn Thị H.

* Về con chung: Tại phiên tòa Anh Đ và Chị H thống nhất thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015, hiện con đang sống cùng Chị H. Xét thấy thỏa thuận trên là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Giao cho chị Đoàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015. Anh Nguyễn Quân Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị H giữ nguyên yêu cầu Anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), anh Nguyễn Quân Đ nhất trí nâng mức cấp dưỡng nuôi con chung từ 200.000đ/tháng lên mức là 500.000đ/tháng cho cháu Nguyễn Nhật M. HĐXX đã tiến hành xác minh đối với trưởng Thôn Tiên H1, xã VQ và xác minh tại Điện lực huyện Chiêm Hóa (biên bản xác minh ngày 19/3/2018) về thu nhập thực tế của Anh Đ, thấy rằng: Anh Nguyễn Quân Đ

hiện làm hợp đồng lao động thời vụ (01 năm/lần) với Điện lực Chiêm Hóa về việc thu tiền điện đối với các hộ dân trên địa bàn xã Vinh Quang, thu nhập dao động từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ/tháng. Xác minh thu nhập lao động phổ thông tại xã Vinh Quang là 27.700.000đ/người/năm (trung bình 2.308.000đ/người/tháng). Từ những căn cứ trên, HĐXX xét căn cứ các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Buộc anh Nguyễn Quân Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015 số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng)/tháng là phù hợp. Phương thức cấp dưỡng: thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cháu M đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết; Nợ chung: không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

* Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quân Đ và chị Đoàn Thị H. Quan hệ hôn nhân giữa Anh Đ và Chị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015 cho chị Đoàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con đang sống cùng Chị H). Anh Nguyễn Quân Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

2. Xử:

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Quân Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn cùng Chị H đối với cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 28/3/2015 số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng: thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) Tổng số tiền án phí Anh Đ phải chịu là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Anh Đ đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002310 ngày 04/10/2017 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Đ còn phải nộp số tiền án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/4/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Vinh Quang (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lục Thị Chiêm